

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Đồng Nai - 2018

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Tiểu học	2
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học	2
2. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI.....	3
Triết lý giáo dục	3
3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
3.1. Mục tiêu chung.....	3
3.2. Mục tiêu cụ thể.....	3
4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
5. CƠ HỘI VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP	5
5.1. Vị trí việc làm	5
5.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ	5
6. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	5
6.1. Thông tin tuyển sinh	5
6.2. Quy trình đào tạo	6
6.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp	6
7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	6
7.1. Dạy học trực tiếp.....	6
7.2. Dạy học gián tiếp.....	6
7.3. Dạy học trải nghiệm.....	6
7.4. Dạy học tương tác	6
7.5. Tự học	6
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	7
8.1. Các phương pháp đánh giá (Assessment Methods).....	7
8.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá	7
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	13
9.1. Cấu trúc chương trình.....	13
9.2. Nội dung chương trình	13
9.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến.....	17
9.4. Mô tả các học phần	21

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Tiểu học

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong giai đoạn hiện nay, việc đào tạo lực lượng giáo viên nhằm thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ chiến lược.

Chương trình được phát triển theo tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu của xã hội và các đơn vị công tác, đặc biệt là phục vụ cho sự nghiệp giáo dục của Tỉnh Đồng Nai và các địa phương lân cận. Nội dung chương trình được thiết kế trên cơ sở có tham chiếu với Chương trình đào tạo của các đơn vị có đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học uy tín trong nước: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Huế.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học xây dựng theo hệ thống đào tạo tín chỉ nhằm trang bị hệ thống kiến thức về Giáo dục Tiểu học và khối kiến thức chuyên ngành đào tạo giáo viên Sư phạm tiểu học. Hình thành cho người học phương pháp tiếp cận và vận dụng những vấn đề thực tiễn của dạy học Tiểu học một cách khoa học, tích cực.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Đồng Nai được thiết kế dựa trên hệ thống tín chỉ: Khối lượng kiến thức toàn khóa: **135 tín chỉ** (không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Khối kiến thức chung: **23 tín chỉ**
- Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp: **112 tín chỉ**, bao gồm:
 - + Kiến thức cơ sở ngành: 32 tín chỉ
 - + Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 26 tín chỉ
 - + Khối kiến thức ngành chuyên sâu: 54 tín chỉ

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học

Tên chương trình: Giáo dục Tiểu học

Tên chương trình tiếng Anh: Primary Education

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học

Mã ngành đào tạo: 7140202

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Nai

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

2. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

Triết lý giáo dục

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệm.

Toàn diện

Sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức-Trí-Thể-Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Khai phóng

Giáo cụ hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

Giáo dục phải phát huy cao nhất tiềm năng cá nhân; hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu giảng dạy và học tập.

Thực nghiệm

Giáo dục hướng tới giải quyết những vấn đề thực tiễn; học đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có đủ phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của một giáo viên Tiểu học trình độ Đại học; góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên nghiệp, hiện đại cho giáo dục bậc Tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục của Ngành.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

Có kiến thức về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ

Có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Giáo dục Tiểu học

- Về kỹ năng:

Thực hiện thành thạo, hiệu quả các kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục học sinh tiểu học

Giải quyết hiệu quả những vấn đề liên quan trong thực tiễn giáo dục tiểu học

- Về thái độ:

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp giáo viên tiểu học, thể hiện tinh thần đam mê nghề nghiệp, khát khao học tập suốt đời và tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1 Yêu cầu về kiến thức

4.1.1 Kiến thức chung:

- Nắm vững những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó vận dụng sáng tạo những nguyên lý, những nội dung, tư tưởng trong hoạt động nhận thức, thực tiễn và khoa học chuyên ngành.

- Kiến thức về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành, giáo dục môi trường, giáo dục dân số, giáo dục an ninh quốc phòng, giáo dục quyền và bổn phận của trẻ em. Hiểu biết về y tế học đường, phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội.

- Kiến thức về nghiệp vụ sư phạm: Tâm lý học lứa tuổi tiểu học và tâm lý học sư phạm, phương pháp giáo dục và quản lý học sinh tiểu học, phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh và giáo dục hòa nhập học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

4.1.2 Kiến thức chuyên ngành:

- Đảm bảo lượng tri thức cơ bản về dẫn luận ngôn ngữ học, ngữ âm học tiếng Việt hiện đại, từ vựng tiếng Việt, ngữ pháp tiếng Việt và phong cách tiếng Việt. Xác định được các yêu cầu cần thiết khi sử dụng ngôn ngữ để thực hiện hoạt động giao tiếp một cách toàn diện.

- Nắm được các kiến thức cơ bản về Sinh học, Địa lý, Lịch sử, Môi trường và các kiến thức về khoa học thường thức.

- Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp và logic toán, về các tập hợp số, các kiến thức cơ bản về đại cương xác suất và thống kê toán học và các kỹ năng giải toán sơ cấp.

- Nắm được mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung dạy học Toán, Văn – Tiếng Việt, Tự nhiên – Xã hội, Âm nhạc, Mỹ thuật và Thủ công – Kỹ thuật ở Tiểu học.

- Trang bị kiến thức về hệ thống phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với điều kiện dạy học ở trường tiểu học Việt Nam. Các chuẩn kiến thức, hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học.

4.1.3 Kiến thức bổ trợ:

- Trình độ tin học B.

- Trình độ B tiếng Anh.

4.2 Yêu cầu về kỹ năng

4.2.1 Kỹ năng cứng:

- Hình thành và phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng đồng thời phát triển toàn diện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt

và kỹ năng cảm thụ, phân tích một số tác phẩm văn học.

- Kỹ năng phân tích chương trình, sách giáo khoa và các tài liệu dạy học, kỹ năng thiết kế bài dạy các nội dung cụ thể và kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học các môn Toán, Văn - Tiếng Việt, Tự nhiên - Xã hội, Âm nhạc, Mỹ thuật và Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học.

- Kỹ năng tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh.

- Lập kế hoạch công tác chủ nhiệm, tổ chức các giờ chủ nhiệm lớp, sinh hoạt tập thể, sinh hoạt Đội Thiếu niên...

- Tạo lập, sử dụng, bảo quản và lưu giữ hồ sơ về giáo dục và giảng dạy, về học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh.

- Giải quyết được các tình huống sư phạm một cách hợp lý, có hiệu quả và mang tính giáo dục cao.

- Phát hiện và bồi dưỡng HS tiểu học có năng khiếu các môn Văn-Tiếng Việt và Toán.

4.2.2 Kỹ năng mềm:

- Ứng dụng được công nghệ thông tin trong dạy học theo yêu cầu của trình độ B.

4.3 Yêu cầu về thái độ

- Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.

- Có đạo đức của nhà giáo, yêu nghề, có lý tưởng nghề nghiệp.

- Phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

- Ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. CƠ HỘI VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

5.1. Vị trí việc làm

- Giáo viên giảng dạy tại các trường Tiểu học;

- Chuyên viên, nhân viên văn phòng tại Phòng Giáo dục Đào tạo; các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng; nhà văn hóa;...

5.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ

- Học các Chương trình Sau Đại học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học trong nước và ngoài nước;

- Đủ năng lực tự học, nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục.

6. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Thông tin tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành và Đề án Tuyển sinh của trường Đại học Đồng Nai.

6.2. Quy trình đào tạo

Theo Quy trình đào tạo của trường Đại học Đồng Nai:

- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, thực hiện tuân theo Luật Giáo dục Đại học, các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Đồng Nai.

- Thời gian đào tạo trong 04 năm, mỗi năm học gồm 02 học kì chính và 01 học kì phụ (được tính gộp vào học kì chính kế trước).

6.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây:

- Tích lũy đủ số tín chỉ, số học phần của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên;

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất, đạt các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường Đại học Đồng Nai.

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Dạy học trực tiếp

Đây là chiến lược dạy học cho phép thông tin được chuyển tải đến người học một cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe, thường được áp dụng ở các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt những thông tin cơ bản hay giải thích một kĩ năng mới.

7.2. Dạy học gián tiếp

Đây là chiến lược dạy học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học mà thay vào đó, người học tích cực tham gia vào tiến trình học tập, tìm kiếm và sử dụng kĩ năng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề được nêu trong bài học.

7.3. Dạy học trải nghiệm

Đây là chiến lược dạy học mà người học tiếp nhận được kiến thức và kĩ năng qua thực hành, làm việc trên thực tế rồi quan sát, cảm nhận và thấu hiểu.

7.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy học mà giảng viên kết hợp sử dụng nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề, nêu câu hỏi gợi mở và yêu cầu người học cùng thảo luận, tranh luận để làm rõ và tìm ra phương án giải quyết, qua đó phát triển các kĩ năng xã hội, tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán, đưa ra quyết định.

7.5. Tự học

Đây là chiến lược mà người học tiến hành hoạt động học tập của mình với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên, qua đó họ tự định hướng việc học theo kinh nghiệm của bản thân, có quyền tự chủ và tự điều khiển hoạt động học của mình qua các bài tập hay vấn đề mà giảng viên đã gợi ý, hướng dẫn khi ở lớp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Các phương pháp đánh giá (Assessment Methods)

Chương trình đào tạo áp dụng 2 phương pháp đánh giá là đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả Chương trình đào tạo này.

8.1.1. Đánh giá quá trình (Assessment Process) gồm 30%

Đây là hoạt động thường xuyên liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành đánh giá từng tín chỉ, học phần của Chương trình đào tạo. Đánh giá theo tiến trình nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Đánh giá quá trình gồm:

(1) Đánh giá chuyên cần kết hợp với đánh giá thái độ tham gia học tập của sinh viên.

(2) Đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập: Thái độ tham gia thảo luận, việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nhiệm vụ thuyết trình;

(3) Kiểm tra đánh giá giữa học phần (hoặc bài tập lớn)

Các đánh giá quá trình tuân theo quy định về công tác học vụ dùng cho sinh viên hệ chính qui đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 950/QĐ-DHĐN ngày 16/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai.)

Hình thức đánh giá thường xuyên và đánh giá giữa kì do giảng viên qui định.

8.1.2. Đánh giá kết thúc học phần (Examination) gồm 70%

Đây là hoạt động do Trường Đại học Đồng Nai tổ chức khi kết thúc học kì hoặc khi kết thúc học phần trong Chương trình đào tạo. Thi học phần theo hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận...

8.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần (trọng số 10%)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định			
		<i>8.0- 10</i>	<i>5.0 – 7.0</i>	<i>2.0 – 4.0</i>	<i>0.0 – 1.0</i>
Dự học trên lớp	80%	Dự học trên lớp đầy đủ (Không vắng)	Vắng học < 10%	Vắng học từ 10% - 20%	Vắng học trên 20%
Đóng góp tại lớp	20%	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học hiệu quả.	Tham gia ít các hoạt động trên lớp, có một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả .	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không có hoặc ít đóng góp tại lớp

8.2.2. Đánh giá bài tập kiểm tra giữa kì (trọng số 10%)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>F</i>
		<i>8.5 - 10</i>	<i>7.0 - 8.4</i>	<i>5.5 - 6.9</i>	<i>4.0 - 5.4</i>	<i>0.0 - 3.9</i>
Nộp bài tập	20%	Nộp bài đầy đủ (100%), đúng thời gian quy định.	Nộp bài đầy đủ (100%), hầu hết đúng thời gian quy định.	Nộp bài đầy đủ (100%), một số nhất định chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài khá đầy đủ (70%), nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định.	Không nộp bài tập.
Trình bày bài tập	30%	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, logic chặt chẽ, hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học, ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lí.	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, logic chặt chẽ, hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp, ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lí.	Trình bày đúng quy cách, hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp, còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú, kích cỡ).	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách, hình vẽ, bảng biểu không phù hợp.	Không có bài tập.

Nội dung bài tập	50%	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, tính toán logic, chi tiết rõ đúng theo yêu cầu, rõ ràng, hoàn toàn hợp lí.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lí đúng theo yêu cầu, tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, nhưng chưa thật hợp lí, còn một số sai sót.	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều không đúng theo yêu cầu, nhưng chưa thật hợp lí, còn một số sai sót.	Không có bài tập.
------------------	-----	--	---	---	---	-------------------

8.2.3. Đánh giá thuyết trình, thảo luận (trọng số 10%)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 – 10	7.0 - 8.4	5.5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Nội dung báo cáo	50%	Nội dung phong phú hơn yêu cầu; chính xác, khoa học, sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; khá chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.	Phù hợp với yêu cầu; tương đối chính xác, khoa học; tuy nhiên giải thích chưa rõ ràng.	Phù hợp với yêu cầu; tuy nhiên còn thiếu một số nội dung quan trọng.	Thiếu nhiều nội dung quan trọng hoặc không phù hợp với yêu cầu; thiếu chính xác, khoa học.
Cấu trúc và tính trực quan	10%	Cấu trúc bài và slide rất hợp lí, rất trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide hợp lí, trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide tương đối hợp lí, rõ ràng.	Cấu trúc bài và slide chưa hợp lí, ít trực quan, thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định.
Thuyết trình	10%	- Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng - Âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe - Người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung	- Phần trình bày khá súc tích; sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu - Âm giọng rõ ràng, lưu loát, tương tác tốt với người nghe - Người	- Phần trình bày theo bố cục rõ ràng - Âm giọng vừa phải, dễ nghe - Người nghe có thể hiểu nội dung được trình bày - Thời gian	- Phần trình bày đầy đủ - Âm giọng thấp, một số từ không rõ ràng - Chưa có tương tác - Thời gian trình bày đúng quy	- Phần trình bày không logic; sử dụng từ không đúng - Âm giọng thấp, không rõ - Người nghe không hiểu - Vượt quá thời gian

		được trình bày - Thời gian trình bày đúng quy định.	nghe có thể hiểu nội dung được trình bày - Thời gian trình bày đúng quy định.	trình bày đúng quy định.	định.	quy định.
Trả lời câu hỏi	30%	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả các câu hỏi.	Trả lời đúng đa số câu hỏi, và nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Trả lời đúng đa số câu hỏi, nhưng không nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.

8.2.4. Đánh giá khóa luận

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5,5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Nội dung khóa luận	50%	- Khóa luận hoàn thành tốt các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập luận chặt chẽ, khoa học.	- Khóa luận hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập luận tương đối chặt chẽ.	- Khóa luận hoàn thành hầu hết các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, lập luận tương đối chặt chẽ.	- Khóa luận hoàn thành được một phần các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, lập luận chưa chặt chẽ.	- Khóa luận có mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng hoặc không hoàn thành được mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập luận sơ sài, có nhiều điểm sai sót.
Hình thức khóa luận	10%	- Trình bày khoa học, đúng quy định. - Hình vẽ, bảng biểu sử dụng có ghi chú	- Trình bày đúng quy định. - Hình vẽ, bảng biểu... sử dụng có ghi chú đầy đủ.	- Trình bày đúng quy định. - Hình vẽ, bảng biểu sử dụng có ghi chú.	- Trình bày có phần chưa đúng quy định. - Hình vẽ, bảng biểu sử dụng chưa ghi chú đầy	- Trình bày không đúng định. - Hình vẽ, bảng biểu sử dụng không ghi chú.

		cụ thể, hợp lí. - Trích dẫn đầy đủ, đúng quy định	- Trích dẫn khá đầy đủ, đúng quy định	- Trích dẫn chưa đầy đủ. - Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, kích cỡ)	đủ. - Trích dẫn chưa đúng quy định. - Còn một số lỗi về trình bày (chính tả, kích cỡ)	- Không trích dẫn. - Mắc nhiều lỗi về trình bày (chính tả, kích cỡ)
Bảo vệ khóa luận	10%	- Bài trình bày súc tích, bố cục rõ ràng. - Thời gian trình bày đúng quy định. - Âm giọng rõ ràng, lưu loát, tự tin	- Bài trình bày khá súc tích, bố cục rõ ràng. - Thời gian trình bày đúng quy định. - Âm giọng rõ ràng, tự tin	- Bài trình bày có bố cục tương đối rõ ràng. - Thời gian trình bày đúng quy định. - Âm giọng vừa phải, dễ nghe	- Bài trình bày có bố cục chưa hợp lí. - Vượt quá thời gian quy định. - Âm giọng thấp, một số từ không rõ ràng, có phần thiếu tự tin	- Bài trình bày bố cục lộn xộn, không rõ ràng. - Vượt quá thời gian quy định. - Âm giọng thấp, không rõ, thiếu tự tin
Trả lời câu hỏi	30%	- Trả lời chính xác, đầy đủ, rõ ràng, liên quan trực tiếp đến câu hỏi của các thành viên hội đồng, lập luận, phân tích thuyết phục.	- Trả lời chính xác, khá đầy đủ, liên quan đến câu hỏi của các thành viên hội đồng, lập luận, phân tích khá thuyết phục.	- Trả lời khá đầy đủ nhưng có phần chưa ngắn gọn, liên quan đến câu hỏi của các thành viên hội đồng, lập luận, phân tích có phần không thuyết phục.	- Trả lời chưa đầy đủ, thiếu trọng tâm, ít liên quan đến câu hỏi của các thành viên hội đồng, lập luận, phân tích không thuyết phục.	- Trả lời lạc đề các câu hỏi của các thành viên hội đồng; không trả lời được các câu hỏi căn bản về kiến thức liên quan đến khóa luận.

8.2.5. Đánh giá trình bày bài giảng

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		A	B	C	D	F
		8.5 - 10	7.0 - 8.4	5,5 - 6.9	4.0 - 5.4	0.0 - 3.9
Kiến thức	50%	Bài giảng đủ, đúng kiến thức, bài giảng chính xác, có hệ thống. Có	Bài giảng đủ kiến thức, có hệ thống, có lồng ghép gắn với nội	Bài giảng tương đối đầy đủ kiến thức, có hệ thống, có	Bài giảng tương đối đầy đủ kiến thức, nhưng	Bài giảng thiếu kiến thức và

		lồng ghép, gắn với nội dung môn học; liên hệ giáo dục cho học sinh các phẩm chất, đức tính cần thiết, phù hợp với bài học.	dung môn học nhưng không liên hệ giáo dục cho học sinh các phẩm chất đạo đức.	lồng ghép gắn với nội dung môn học nhưng không liên hệ giáo dục cho học sinh các phẩm chất giáo dục.	không có hệ thống lồng ghép gắn với nội dung môn học nhưng không liên hệ giáo dục cho học sinh các phẩm chất giáo dục	hệ thống, không lồng ghép với nội dung môn học và không có sự liên hệ giáo dục cho học sinh.
Kĩ năng sự phạm	10%	- Vận dụng hình thức và phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh, phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo của học sinh. - Đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của học sinh đảm bảo theo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học; xử lí các tình huống sư phạm mang tính giáo dục cao.	- Vận dụng được các phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh nhưng chưa phát huy được tính sáng tạo của học sinh. - Đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức và xử lí các tình huống sư phạm.	- Vận dụng tương đối các phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh, chưa phát huy được tính sáng tạo. - Đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức	- Vận dụng tương đối các phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh nhưng chưa phát huy được tính sáng tạo - Đánh giá, kiểm tra sơ sài	- Không vận dụng được các phương pháp phù hợp đối với học sinh. - Không đánh giá, kiểm tra.
Thái độ sự phạm	10%	Giáo viên khích lệ, động viên học sinh kịp thời trong tiết học. - Kịp thời giúp đỡ những học sinh gặp khó khăn trong học tập, tác phong đảm bảo tính mô phạm.	Giáo viên khích lệ học sinh - Chưa kịp thời trong việc giúp đỡ những học sinh gặp khó khăn.	Giáo viên chỉ chú ý đến một số em nổi trội và chưa kịp thời giúp đỡ các em khó khăn.	Giáo viên chưa bao quát hết lớp. Không giúp đỡ các em học sinh yếu.	- Chưa có sự khích lệ, động viên của giáo viên. - Không giúp đỡ những em học sinh yếu.

Hiệu quả	30%	- Học sinh chủ động, tích cực tiếp thu bài. - Vận dụng thành thực kiến thức bài học.	Học sinh tiếp thu được bài học. Có thể vận dụng kiến thức đã học	Học sinh tiếp thu được bài nhưng không biết vận dụng	Học sinh tiếp thu bài chậm và không vận dụng được.	Học sinh tiếp thu 1/2 bài hoặc không hiểu bài
----------	-----	---	--	--	--	---

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Cấu trúc chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ (không tính Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Khối kiến thức chung: 23 tín chỉ

- Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp: 112 tín chỉ. Gồm:

+ Kiến thức cơ sở ngành: 32 tín chỉ

+ Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 26 tín chỉ

+ Khối kiến thức ngành chuyên sâu: 54 tín chỉ

9.2. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	
A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			23			
1	114005	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1	5	75		
2	114006	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3			
3	114003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
4	114002	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		
5	121002	Tin học đại cương	2	15	30	
6	110087	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	2	30		
7	110093	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	2	30		

8	123082	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	3	45		
9	111005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		
10	122005	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD-ĐT	2	30		
11		Giáo dục thể chất*	3		90	
12		Giáo dục quốc phòng	165 t			
B. KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SƯ PHẠM			26			
I. Kiến thức cơ sở chung			13			
13	122007	Tâm lý học đại cương	2	30		
14	142009	Tâm lý học giáo dục tiểu học	3	30		
15	122010	Giáo dục học đại cương	2	30		
16	142010	Giáo dục học tiểu học	3	45		
17	142011	Đánh giá trong giáo dục của học sinh tiểu học	3	45		
II. Thực hành sư phạm			13			
18	142012	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học 1	2	30		
19	142013	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học 2	2	30		
20	142014	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học 3	2	30		
21	219061	Kiến tập sư phạm-Thực hành sư phạm	2			
22	142007	Thực tập sư phạm	5			
C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			82			
I. Khối kiến thức cơ sở ngành			32			
23	124053	Tiếng Việt thực hành	2	30		
24	124004	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		

25	142015	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1	4	60		
26	142016	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2	4	60		
27	124063	Văn học	3	45		
28	123074	Cơ sở Toán học 1	4	60		
29	142017	Cơ sở Toán học 2	3	45		
30	142019	Thống kê trong giáo dục	2	30		
31	128012	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1	2	30		
32	128013	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2	2	30		
33	128014	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 3	2	30		
34	142020	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học tiểu học	2	15	30	
II. Khối kiến thức chuyên sâu của ngành			49			
a. Bắt buộc			39			
35	170003	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	4	60		
36	170004	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	4	60		
37	142021	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	3	45		
38	142022	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	3	45		
39	142023	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	4	60		
40	142024	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	4	60		
41	142025	Thủ công-kỹ thuật và phương pháp dạy học ở tiểu học	4	45	30	
42	128017	Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	2	30		
43	170033	Âm nhạc	2	30		

44	128019	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2	30		
45	142026	Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học	4	30	60	
46	170005	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	1		30	
47	142027	Tổ chức hoạt động Đội và Sao nhi đồng	2	30		
b. Tự chọn			10			
Tự chọn 1: (chọn 1/3 học phần)			2/6			
48	142028	Đàn phím điện tử	2	30		
49	128029	Thẻ loại và phương pháp thể hiện bài hát	2	30		
50	142029	Mỹ thuật nâng cao	2	30		
Tự chọn 2: (chọn 1/2 học phần)			2/4			
51	142030	Tổ chức hoạt động tìm hiểu về thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học	2	30		
52	250041	Biển và Đảo Việt Nam	2	30		
Tự chọn 3: (chọn 1/2 học phần)			3/6			
53	142031	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học cho học sinh tiểu học	3	45		
54	142032	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh tiểu học	3	45		
Tự chọn 4: (chọn 1/3 học phần)			3/9			
55	142033	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	3	45		
56	142034	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	3	45		
57	170006	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	3	45		

D. KHÓA LUẬN (hoặc các học phần thay thế)			5				
	<i>Các học phần thay thế</i>		5				
58	142035	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong dạy học tiếng Việt	3	45			
59	142036	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán.	2	30			
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			135				

9.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			23									
1	114005	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin	5	5								
2	114006	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3							
3	114003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						
4	114002	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3					
5	121002	Tin học đại cương	2		2				2			
6	110087	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	2	2								
7	110093	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	2		2							
8	123082	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	3			3						
9	111005	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				3					

10	122005	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD-ĐT	2					2			
11		Giáo dục thể chất*	3	x	x	x					
12		Giáo dục quốc phòng	165 t								
B. KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN NĂNG LỰC SỰ PHẠM			26								
I. Kiến thức cơ sở chung			13								
13	122007	Tâm lý học đại cương	2	2							
14	142009	Tâm lý học giáo dục tiểu học	3		3						
15	122010	Giáo dục học đại cương	2			2					
16	142010	Giáo dục học tiểu học	3				3				
17	142011	Đánh giá trong giáo dục của học sinh tiểu học	3					3			
II. Thực hành sự phạm			13								
18	142012	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm tiểu học 1	2		2						
19	142013	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm tiểu học 2	2				2				
20	142014	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm tiểu học 3	2					2			
21	219061	Kiến tập sự phạm-Thực hành sự phạm	2					2			
22	142007	Thực tập sự phạm	5								5
C. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			81								
I. Khối kiến thức cơ sở ngành			32								
23	124053	Tiếng Việt thực hành	2	2							
24	124004	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2							
25	142015	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1	4		4						

26	142016	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2	4			4				
27	124063	Văn học	3			3				
28	123074	Cơ sở Toán học 1	4	4						
29	142017	Cơ sở Toán học 2	3			3				
30	142019	Thống kê trong giáo dục	2		2					
31	128012	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1	2	2						
32	128013	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2	2		2					
33	128014	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 3	2		2					
34	142020	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học tiểu học	2			2				
II. Khối kiến thức chuyên sâu của ngành			49							
a. Bắt buộc			39							
35	170003	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	4			4				
36	170004	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	4				4			
37	142021	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	3			3				
38	142022	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	4				4			
39	142023	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	3					3		
40	142024	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	4				4			
41	142025	Thủ công-kỹ thuật và phương pháp dạy học ở tiểu học	4					4		
42	128017	Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	2						2	
43	170033	Âm nhạc	2					2		

44	128019	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2							2	
45	142026	Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học	4						4		
46	170005	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	1							1	
47	142027	Tổ chức hoạt động Đội và Sao nhi đồng	2				2				
b. Tự chọn			10								
Tự chọn 1: (chọn 1/3 học phần)			2/6							2	
48	142028	Đàn phím điện tử	2							x	
49	128029	Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát	2							x	
50	142029	Mỹ thuật nâng cao	2							x	
Tự chọn 2: (chọn 1/2 học phần)			2/4							2	
51	142030	Tổ chức hoạt động tìm hiểu về thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học	2							x	
52	250041	Biển và Đảo Việt Nam	2							x	
Tự chọn 3: (chọn 1/2 học phần)			3/6							3	
53	142031	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học cho học sinh tiểu học	3							x	
54	142032	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh tiểu học	3							x	
Tự chọn 4: (chọn 1/3 học phần)			3/9								3
55	142033	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	3								x
56	142034	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	3								x
57	170006	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ	3								x

		âm									
D. KHÓA LUẬN (hoặc các học phần thay thế)			5								
	<i>Các học phần thay thế</i>		5							5	
58	142035	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong dạy học tiếng Việt	3							x	
59	142036	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán.	2							x	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			135	16	22	15	18	18	14	19	13

9.4. Mô tả các học phần

9.4.1. Những NLCB của Chủ nghĩa Mác – Lênin (5 tín chỉ)

Mã học phần: 114005

Ngoài 1 chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung, môn học bao gồm 3 phần với 9 chương;

Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin;

Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa;

Phần thứ ba có 3 chương, trong đó 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát.

9.4.2. Những NLCB của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 114006

9.4.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Mã học phần: 114003

Học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh” cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.

9.4.4. Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Mã học phần: 114002

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam.

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)

Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975)

Chương IV: Đường lối công nghiệp hóa

Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa

Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

Chương VII: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội.

Chương VIII: Đường lối đối ngoại

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kì đổi mới.

9.4.5. Tin học đại cương (2 tín chỉ = 1 Lý thuyết + 1 Thực hành)

Mã học phần: 121002

Cung cấp cho sinh viên một số hiểu biết khái quát về Tin học và máy tính điện tử, làm nền tảng cơ sở cho sinh viên học tiếp các môn Tin học khác. Về kỹ năng sinh viên sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong những công việc như : soạn thảo văn bản, lập bảng biểu, thiết kế trình diễn, khai thác Internet phục vụ cho việc học tập nghiên cứu của mình.

9.4.6. Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1) (2 tín chỉ)

Mã học phần: 110087

Nội dung học phần bao gồm 4 bài.

Bài 1: Communicating

Bài 2: Travel and tourism

Bài 3: Money

Bài 4: Social life

9.4.7. Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2) (2 tín chỉ)

Mã học phần: 110093

Phần 1: Luyện nghe nói: theo chủ đề của từng bài

Phần 2: Các dạng bài đọc hiểu: đọc trả lời câu hỏi; True-False

Phần 3: Học các cách viết tùy theo từng bài:

- Đơn xin việc
- Viết blog về một thành tựu hay viết đánh giá cảm nhận về một cuốn sách hoặc một bộ phim.
- Cách dùng các từ nối (ordering ideas and giving examples; although, however)

Phần 4: Học từ vựng: nghề nghiệp, vấn đề trong cuộc sống; sức khỏe và sở thích (nghệ thuật, âm nhạc)

9.4.8. Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3) (3 tín chỉ)

Mã học phần: 110082

Nội dung môn học gồm 4 phần:

Phần 1: Luyện nghe nói :theo chủ đề của từng bài

Phần 2: Các dạng bài đọc hiểu: đọc trả lời câu hỏi; True-False

Phần 3: Học các cách viết tùy theo từng bài:

- Viết sơ yếu lý lịch cá nhân (personal profile)
- Viết lá thư xin lỗi (apology email)
- Viết một web post đưa ra quan điểm cá nhân
- Học các từ nối về thời gian

Phần 4: Học từ vựng: các thành tựu, kết quả sự kiện, tính từ miêu tả tính cách.

9.4.9. Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)

9.4.9.1. Phần đại cương: (90 tiết)

- Kỹ thuật chạy ngắn, tiếp sức và trung bình (30 tiết)
- Kỹ thuật nhảy cao (kiểu nằm úp bụng) (15 tiết)
- Kỹ thuật nhảy xa (kiểu ưỡn thân) (15 tiết)
- Kỹ thuật đẩy tạ (kiểu lưng hướng ném) (15 tiết)
- Bài nhảy dây liên kết (15 tiết)

9.4.9.2. Phần tự chọn: (60 tiết): Chia nhóm theo yêu cầu của sinh viên (Tối thiểu là 03 đến 04 môn: Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng bàn, Bơi lội...). Bổ sung các kiến thức về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

9.4.10. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Mã học phần: 122007

Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; Những cơ sở tự

nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Học phần tâm lý học đại cương làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở ngành khác có liên quan như: Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

9.4.11. Tâm lý học giáo dục tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142009

Môn học cung cấp hệ thống tri thức khoa học về tâm lý con người, tránh các quan điểm duy tâm, phản khoa học về tâm lý. Sinh viên có kiến thức về các quy luật phát triển tâm lý, hiểu biết về tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học, hiểu biết về quy luật tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục học sinh, hiểu biết về mô hình nhân cách của người giáo viên. Từ đó rèn cho sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học trên vào việc nghiên cứu, phân tích, lý giải các đặc điểm về tâm lý của học sinh và tìm ra những biện pháp tác động phù hợp, khoa học đến tâm lý của lứa tuổi tiểu học, xác định được các cơ sở tâm lý học của dạy học, các yêu cầu về năng lực, phẩm chất nhân cách của người giáo viên hiện nay và từ đó đề ra hướng rèn luyện của bản thân. Sinh viên hình thành hiểu biết về nghề nghiệp, có cơ sở trong việc khéo léo ứng xử sư phạm và bồi dưỡng lòng yêu nghề cho sinh viên sư phạm.

9.4.12. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Mã học phần: 122010

Môn học cung cấp hệ thống tri thức và kỹ năng phân tích các vấn đề cơ bản về cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất, động lực và hệ thống phương pháp dạy học theo các quan điểm dạy học truyền thống và hiện đại. Đồng thời, học phần cũng nhằm phát triển cho sinh viên khả năng phân tích các đặc điểm, bản chất và nguyên tắc giáo dục; kỹ năng vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất nhân cách cho học sinh phổ thông.

9.4.13. Giáo dục học tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142010

Môn học cung cấp hệ thống tri thức về lý luận giáo dục như: quá trình giáo dục và dạy học, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và phương pháp dạy học và giáo dục, công tác chủ nhiệm; vận dụng những hiểu biết về giáo dục và dạy học để lý giải các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong quá trình giảng dạy và giáo dục ở nhà trường; nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển cá nhân và tiến bộ xã hội, vai trò quyết định của người giáo viên chủ nhiệm đối với chất lượng giáo dục. Từ đó có ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất và năng lực sư phạm để trở thành người giáo viên giỏi trong tương lai.

9.4.14. Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo (2 tín chỉ)

Mã học phần: 122005

Môn học cung cấp hệ thống hệ thống tri thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD tiểu học, đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, Luật giáo dục, những điều lệ, quy định, quy chế về giáo dục & đào tạo, ... làm cơ sở cho người học vận dụng vào công tác giáo dục và quản lí các hoạt động giáo dục trong thực tiễn trường tiểu học.

9.4.15. Rèn Nghiệp vụ sư phạm tiểu học 1 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 142012

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng nói và các yếu tố ảnh hưởng đến việc luyện nói, đọc, kể, thuyết trình (chính âm, ngữ điệu, các bình diện âm thanh, thể loại văn bản, các yếu tố hỗ trợ ...). Giúp sinh viên có kỹ năng đọc đúng, nhanh, diễn cảm; có kỹ năng thuyết trình và nói trước đông người ; có kỹ năng kể chuyện... Vận dụng được các kỹ năng đọc, nói, kể đã học vào quá trình giao tiếp một cách hiệu quả và phục vụ tốt cho công việc học tập, rèn luyện để trở thành người giáo viên Tiểu học. Đánh giá được mức độ và kỹ năng đọc, nói, kể cơ bản của học sinh. Có ý thức rèn luyện để phát triển năng lực đọc, nói, kể phục vụ cho quá trình giao tiếp và dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. Ý thức được tầm quan trọng và vai trò định hướng của người giáo viên Tiểu học, từ đó tích cực, chủ động trong việc trau dồi, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

Học phần gồm 3 chương:

Chương 1. Rèn kỹ năng nói

Chương 2. Rèn kỹ năng đọc

Chương 3. Rèn kỹ năng kể chuyện

9.4.16. Rèn Nghiệp vụ sư phạm tiểu học 2 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 142013

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chữ viết (cấu tạo chữ viết, các nét cơ bản, mẫu chữ...). Sinh viên nắm được cấu tạo các chữ cái, quy trình viết chữ cái; có kỹ năng viết các chữ cái, mẫu chữ ... Vận dụng được các kỹ năng viết vào việc viết vở, viết bảng, trình bày bảng ... Biết cách đánh giá, nhận xét chất lượng viết (viết vở, trình bày bảng) của người khác. Có ý thức rèn luyện để phát triển năng lực viết phục vụ cho quá trình giao tiếp và dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. Ý thức được tầm quan trọng và vai trò định hướng của người giáo viên Tiểu học, từ đó tích cực, chủ động trong việc trau dồi, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

Học phần gồm 3 chương:

Chương 1. Chữ viết và chữ viết tiếng Việt.

Chương 2. Rèn luyện kỹ năng viết

Chương 3. Rèn luyện kỹ năng trình bày bảng

9.4.17. Rèn Nghiệp vụ sư phạm tiểu học 3 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 142014

Rèn luyện nghiệp vụ soạn phạm thờng xuyên là một học phần bắt buộc giúp hình thành và rèn luyện thờng xuyên những kỹ năng cần thiết nhất cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học. Những tri thức lý thuyết liên quan đợc cung cấp một cách cơ bản, hệ thống để sinh viên thực hành luyện tập rèn các kỹ năng. Những kỹ năng cơ bản cần hình thành và rèn luyện khi học học phần này là: kỹ năng đọc - nói (bao gồm các kỹ năng đọc, kể, thuyết trình), kỹ năng viết chữ, kỹ năng thiết kế - sử dụng đồ dùng dạy học, kỹ năng phân tích chương trình và soạn soạn giáo án lên lớp.

9.4.18. Kiến tập sư phạm-Thực hành sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 219061

“Thực tập sư phạm 1” là học phần bắt buộc thuộc nhóm Thực hành sư phạm. Sinh viên sẽ đợc đến các trường tiểu học trong thời gian 4 tuần để bước đầu tìm hiểu về môi trường, đối tượng giáo dục, đợc xây dựng và thực hiện kế hoạch thực tập dạy học, giáo dục dưới sự hướng dẫn của các giáo viên tiểu học tại trường. Qua đó, sinh viên sẽ vận dụng những tri thức, kỹ năng tiếp thu đợc để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục một cách độc lập; đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống phù hợp với nghề nghiệp.

9.4.19. Thực tập sư phạm 2 (5 tín chỉ)

Mã học phần: 142007

“Thực tập sư phạm 2” là học phần bắt buộc thuộc nhóm Thực hành sư phạm. Sinh viên sẽ đợc đến các trường tiểu học trong thời gian 8 tuần để tìm hiểu về môi trường, đối tượng giáo dục, đợc xây dựng và thực hiện kế hoạch thực tập dạy học, giáo dục dưới sự hướng dẫn của các giáo viên tiểu học tại trường. Qua đó, sinh viên sẽ vận dụng những tri thức, kỹ năng tiếp thu đợc để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục một cách độc lập; đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống phù hợp với nghề nghiệp.

9.4.20. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 111005

Học phần trang bị cho người học những khái niệm, tính chất của nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu khoa học giáo dục nói riêng và những đặc trưng của nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. Kết thúc học phần người học có khả năng xác định đợc vấn đề cần nghiên cứu, mục đích, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. Đồng thời người học cũng có thể xây dựng một đề cương và triển khai đợc trình tự các bước để thực hiện thành công một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học.

9.4.21. Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Mã học phần: 124053

“Tiếng Việt thực hành” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt và các kỹ năng sử dụng tiếng Việt: rèn luyện kỹ năng chính tả, rèn luyện kỹ năng dùng từ, rèn luyện kỹ năng đặt câu, rèn luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn và rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản. Qua đó,

giúp cho người học rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ và nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu và giảng dạy cho học sinh bậc Tiểu học.

9.4.22. Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1 (4 tín chỉ)

Mã học phần: 142015

“Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1” là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành cung cấp tri thức cơ bản về: (1) Dẫn luận ngôn ngữ học trình bày những vấn đề khái quát về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu, phân loại ngôn ngữ. (2) Ngữ âm học tiếng Việt trình bày về ngữ âm, ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt và hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại, một số vấn đề liên quan đến ngữ âm học trong nhà trường. (3) Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt trình bày một số vấn đề về từ vựng và từ vựng – ngữ nghĩa học, đơn vị từ vựng và hệ thống từ vựng.

9.4.23. Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2 (4 tín chỉ)

Mã học phần: 142016

“Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2” là học phần nối tiếp của học phần Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1. Là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Nó cung cấp cho người học những tri thức và kỹ năng cơ bản về: (i) Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại, cú pháp...) (ii) Ngữ pháp văn bản (nhận diện văn bản, đoạn văn, các phương tiện liên kết câu, đoạn...) và (iii) Phong cách học tiếng Việt (khái niệm, các dạng phong cách và đặc trưng của chúng, các biện pháp tu từ...). Đây là những tri thức cần thiết để vận dụng vào việc dạy, học ngữ pháp; dạy viết văn; tìm hiểu tác phẩm văn chương... và góp phần hình thành năng lực ngôn ngữ cho giáo viên và học sinh tiểu học.

9.4.24. Văn học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 124063

“Văn học” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận văn học và văn học thiếu nhi. Phần lí luận văn học gồm những vấn đề chủ yếu như: lí luận văn học, tác phẩm văn học... Phần văn học thiếu nhi gồm những kiến thức về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam và văn học nước ngoài trong chương trình Sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học. Thông qua học phần, người học có khả năng nhận diện, phân tích và đánh giá tác phẩm văn học để vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy cho học sinh bậc Tiểu học.

9.4.25. Cơ sở Toán học 1 (4 tín chỉ)

Mã học phần: 123074

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về toán cao cấp như tập hợp, ánh xạ, quan hệ hai ngôi, cơ sở logic toán. Đây là các kiến thức rất cần thiết và quan trọng để có thể học tập và nghiên cứu các học phần toán tiếp theo. Các cấu trúc đại số hiện đại như nhóm, vành trường cũng được giới thiệu sơ lược trong học phần này. Dựa trên

quan điểm của lý thuyết tập hợp, sinh viên được học cách xây dựng các tập hợp số tự nhiên, số hữu tỉ không âm, số thực và số phức.

9.4.26. Cơ sở Toán học 2 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142017

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về Đại số sơ cấp và Hình học sơ cấp cho người học. Đây là các kiến thức quan trọng và cần thiết để người học có thể vận dụng khi học các học phần về Thực hành giải toán ở tiểu học. Dựa trên các kiến thức cơ bản được cung cấp từ học phần này, người học hiểu rõ cơ sở khoa học của nội dung chương trình môn Toán ở tiểu học, từ đó có thể dạy tốt các nội dung này.

9.4.27. Thống kê trong giáo dục (2 tín chỉ)

Mã học phần: 142019

“Thống kê trong giáo dục” là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, và đây là kiến thức cơ sở ngành của ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện; Đại lượng ngẫu nhiên; Luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên; Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên; Một số phân phối xác suất đặc biệt của đại lượng ngẫu nhiên. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê toán học: lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên; các bài toán thống kê suy luận: bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể, các bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.

9.4.28. Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 128012

Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản cập nhật về: thế giới thực vật, thế giới động vật, con người và sức khỏe, nguyên nhân, tác hại và cách phòng tránh một số bệnh cho học sinh tiểu học; những đặc tính cơ bản và công dụng của một số loại vật chất, sự biến đổi của chất; các loại năng lượng, môi trường và mối quan hệ của chúng với đời sống con người.

9.4.29. Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 128013

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử: lịch sử văn hóa và truyền thống Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, quá trình đấu tranh, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam. Lịch sử các nước láng giềng; Dân số và các chủng tộc trên thế giới; Một số nền văn minh trên thế giới. Học phần cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nguyên cứu lịch sử, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử Việt Nam và thế giới.

9.4.30. Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 3 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 128014

- Cung cấp một số kiến thức cơ bản về tự nhiên và kinh tế - xã hội, giới thiệu khái quát về các châu lục.

- Tìm hiểu Địa lí Việt Nam.

- Nhận diện sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên, tìm hiểu khả năng sử dụng tự nhiên và vấn đề sử dụng tự nhiên của địa bàn nghiên cứu.

9.4.31. Âm nhạc (2 tín chỉ)

Mã học phần: 170033

a. Nhạc lí:

Lí thuyết âm nhạc sơ giản là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như sau: Giới thiệu những kiến thức sơ giản về nhạc lí phổ thông: Âm thanh – Âm nhạc, Độ cao âm thanh, Độ dài âm thanh; Tìm hiểu ký hiệu, ký hiệu điều chỉnh và các phương pháp ghi chép nhạc về: Cao độ, Trường độ...; Tìm hiểu phương pháp và cách thức thể hiện các yếu tố trong âm nhạc: Loại nhịp, Cung, Quãng, Dấu hóa, Hóa biểu, Điệu thứ...; Làm quen với một số nguyên tắc cơ bản trong âm nhạc về hòa âm: Quãng, Hợp âm, biến thể của các loại điệu thức, Dịch giọng... Những kiến thức trên nhằm trang bị cho sinh viên để tiếp tục học môn Đọc nhạc và hát, môn Đàn phím điện tử, phương pháp giáo dục âm nhạc Tiểu học.

b. Tập đọc nhạc:

Đọc nhạc là học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Trong học phần này, sinh viên vận dụng lí thuyết âm nhạc sơ giản vào thực hành Đọc nhạc. Bước đầu hình thành các kĩ năng thực hành âm nhạc về sau rèn luyện thêm đọc nhạc có sắc thái biểu hiện các bản nhạc và đọc ứng dụng vào các bài hát trong chương trình âm nhạc ở Tiểu học. Sau khi ra trường các em có thể đọc các bài tập đọc nhạc và có khả năng ca hát tốt.

9.4.32. Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học (4 tín chỉ)

Mã học phần: 142026

Học phần Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học là một học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp cho SV một lượng kiến thức cơ bản về lí luận Mỹ thuật, giúp SV hiểu biết được các kiến thức, kĩ năng cơ bản về luật xa gần, vẽ trang trí, vẽ tranh, nặn tạo dáng và các xu hướng, tình hình dạy học Mỹ thuật ở bậc tiểu học; một số vấn đề chung về PPDH Mỹ thuật ở trường tiểu học; lí luận về dạy học, các phương pháp dạy – học các phân môn Mỹ thuật ở trường tiểu học; xây dựng được cấu trúc bài giảng theo các phân môn Mỹ thuật ở tiểu học; thực hành sư phạm về mỹ thuật, bổ trợ, nâng cao hiểu biết, năng lực sư phạm cho Sinh viên. Đồng thời giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, vận dụng các kiến thức Mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật vào quá trình học tập và công tác sau khi ra trường.

9.4.33. Đánh giá trong giáo dục của học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142011

Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về hoạt động đánh giá ở trường tiểu học hướng đến việc giúp người học có năng lực đánh giá hiệu quả hoạt động học tập của học sinh tiểu học. Học phần này cũng hướng đến việc giúp người học có được tư duy và năng lực tổ chức các hoạt động đánh giá trong môi liên hệ chặt chẽ với các hoạt động dạy học, làm cho hoạt động đánh giá thể hiện đúng vai trò của nó là nâng cao việc học và năng lực tự học, tự giáo dục của học sinh, góp phần cải thiện chất lượng và hiệu quả giáo dục.

9.4.34. Ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 142020

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong việc soạn bài giảng, trò chơi trong giảng dạy ở bậc học tiểu học và làm quen với lập trình cơ bản dành cho lứa tuổi tiểu học. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về sử dụng phần mềm PowerPoint (hình ảnh, nhạc, video, trắc nghiệm, ...), soạn bài giảng và tổ chức trò chơi cho bậc tiểu học; cung cấp kiến thức lập trình cơ bản với phần mềm Microsoft Windows Logo. Đây là cơ sở để tạo nên các bài giảng hấp dẫn, gần gũi và phù hợp với bậc học tiểu học.

9.4.35. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 (4 tín chỉ)

Mã học phần: 170003

“Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1” là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Phương pháp dạy học Tiếng Việt nói chung và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các cơ sở khoa học của dạy học Tiếng Việt; chương trình và các tài liệu dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các phương tiện dạy học và cách thiết kế bài dạy môn Tiếng Việt ở Tiểu học. Đây là những kiến thức nền tảng và kỹ năng quan trọng để dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị những kiến thức, kỹ năng và cách tổ chức dạy học Đọc- hiểu và Nói – nghe ở Tiểu học với các phân môn Học vần, Tập đọc và Luyện từ và câu.

9.4.36. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 (4 tín chỉ)

Mã học phần: 170004

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức, kỹ năng được tích hợp trong các bài học rèn kỹ năng viết, nói và nghe ở tiểu học với các mức độ căn bản thông qua Phương pháp dạy học viết ở tiểu học và Phương pháp dạy học nói và nghe ở tiểu học. Học phần còn giúp người học vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ: đọc, viết, nói và nghe trong môn Tiếng Việt ở tiểu học qua các phân môn Tập viết, Chính tả, Tập làm văn, Kể chuyện; Vận dụng phương pháp kiểm tra đánh giá phát triển năng lực và phẩm chất

của học sinh tiểu học để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Tiếng Việt phù hợp với mục tiêu, điều kiện thực tế và đối tượng học sinh tiểu học.

9.4.37. Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142021

Học phần “Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học” giới thiệu những vấn đề chung về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học bao gồm: Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của việc dạy học toán ở tiểu học. Những đặc điểm tâm lí của trẻ em tiểu học khi học toán; Các phương pháp suy luận thường dùng ở môn toán tiểu học; Các phương pháp và hình thức dạy học toán ở tiểu học; Phương pháp kiểm tra đánh giá; Sử dụng thiết bị dạy học toán ở tiểu học.

9.4.38. Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 (4 tín chỉ)

Mã học phần: 142022

Học phần “Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1” cung cấp cho sinh viên các phương pháp dạy học các chủ đề toán học cụ thể ở Tiểu học như: Phương pháp dạy học số học và các phép tính; Phương pháp dạy học đại lượng và đo đại lượng; Phương pháp dạy học các yếu tố hình học; Phương pháp dạy học các yếu tố thống kê; Phương pháp dạy học giải toán có lời văn; Thực hành dạy học Toán ở Tiểu học.

9.4.39. Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142023

Học phần “Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2” gồm ba chương: Chương 1: Trình bày các khái niệm và các vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học giải toán ở Tiểu học; Chương 2: Tìm hiểu các phương pháp giải toán đặc thù và vận dụng vào dạy học học ở Tiểu học. Chương này gồm 16 phương pháp đặc thù thường dùng để giải các bài toán ở Tiểu học; Chương 3: Thực hành hoạt động dạy học giải toán ở trường Tiểu học với các nội dung như: Thực hành giải toán, thực hành hướng dẫn học sinh giải toán, thực hành thiết kế đề toán và thực hành đánh giá bài làm của học sinh.

9.4.40. Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học (4 tín chỉ)

Mã học phần: 142024

Học phần cung cấp các kiến thức về dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở trường tiểu học, cụ thể như: mục tiêu, nội dung chương trình; phương pháp dạy học; phương tiện và hình thức tổ chức tổ chức dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả trong dạy học. Thông qua học phần này, người học có khả năng phân tích nội dung chương trình; lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng học sinh để xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy học một cách hiệu quả.

9.4.41. Thủ công-Kỹ thuật và phương pháp dạy học ở tiểu học (4 tín chỉ)

Mã học phần: 142025

Giới thiệu kiến thức chung về phương pháp dạy học Thủ công - Kỹ thuật ở trường tiểu học; mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí, nội dung chương trình Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học; các phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học; Biết cách tổ chức dạy học Thủ công - Kỹ thuật theo hướng đổi mới nhằm tích cực hóa hoạt động của học sinh, thực hành một số bài tập về: Xây dựng thiết kế và đánh giá kết quả bài học, tổ chức dạy học theo chương trình, sách giáo khoa tiểu học.

9.4.42. Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 128017

Học phần “Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học” cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về Đạo đức học Mác - Lênin, của quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học, có tác dụng định hướng cho quá trình dạy học môn Đạo đức. Đồng thời, giúp cho sinh viên nắm được cách thức tổ chức quá trình dạy học môn Đạo đức hiệu quả - từ việc xác định vị trí, vai trò xây dựng nhiệm vụ và nội dung môn Đạo đức, cho đến vận dụng những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp để đạt được những mục tiêu của môn Đạo đức ở Tiểu học, và cuối cùng là kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn Đạo đức nói chung và kết quả học tập môn Đạo đức của học sinh nói riêng.

9.4.43. Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 128019

Học phần "Phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học" là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực dạy học môn Âm nhạc, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông.

9.4.44. Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học (1 tín chỉ)

Mã học phần: 170005

Học phần được trình bày theo module, bao gồm ba chủ đề: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất, các phương tiện giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học; Đặc điểm phát triển thể chất ở lứa tuổi học sinh tiểu học, cơ sở phương pháp giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học; Nội dung và hình thức giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học. Mỗi chủ đề được cấu trúc thành 4 vấn đề: Mục tiêu; Giới thiệu chung về chuyên đề; Tài liệu và thiết bị dạy học; Nội dung cụ thể của chủ đề.

9.4.45. Tổ chức hoạt động Đội và Sao nhi đồng (2 tín chỉ)

Mã học phần: 142027

Học phần “Tổ chức hoạt động Đội trong trường tiểu học” là một học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên một lượng kiến thức về tổ chức Đội TNTP- HCM và sao nhi đồng, đồng thời được tìm hiểu về hoạt động giáo dục ở trường

Tiểu học, nắm được các nội dung về thực hành, tham gia các hoạt động của Đội thiếu niên TP HCM. Từ đó sinh viên có thể xây dựng, tổ chức được các hoạt động Đội, hoạt động sao nhi đồng ở trường Tiểu học. Giúp sinh viên có được kiến thức, kỹ năng quản lý, tổ chức, kỹ năng đề tự nghiên cứu và vận dụng vào quá trình công tác sau khi ra trường đồng thời biết cách tổ chức, thực hành hoạt động Đội và sao nhi đồng trong trường Tiểu học.

9.4.46. Đàn phím điện tử (2 tín chỉ)

Mã học phần: 142028

- Giới thiệu về đàn phím điện tử (Sơ lược về cấu trúc, nhận biết các nốt trên phím đàn, chức năng và cách sử dụng, bảo quản đàn và tư thế tập).
- Kỹ thuật đệm hát các bài hát trong chương trình âm nhạc tiểu học với tiết điệu tự động.
- Một số kỹ thuật đệm hát kiểu piano.
- Đọc tấu một số bài hát trong chương trình âm nhạc cấp Tiểu học.

9.4.47. Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát (2 tín chỉ)

Mã học phần: 128029

Học phần "Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát" là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức về thể loại bài hát và kỹ năng thể hiện bài hát ở cấp Tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực phân tích và thể hiện bài hát, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Âm nhạc trong Chương trình giáo dục phổ thông.

9.4.48. Mỹ thuật nâng cao (2 tín chỉ)

Mã học phần: 142029

Giới thiệu một số kiến thức chung về trang trí các nguyên tắc cơ bản của bố cục trang trí và một số hình thức được sử dụng trong trang trí, vai trò của nghệ thuật trang trí trong đời sống; luyện tập khả năng quan sát, nhận xét, kỹ năng vẽ các vật mẫu (khối cơ bản, đồ vật, tĩnh vật) thông qua cấu trúc, hình thể, tỉ lệ và các tương quan đậm nhạt, màu sắc... của vật mẫu. Cách nhìn xa gần đối với các sự vật hình thể trong không gian. Giới thiệu một số kiến thức cơ bản về vẽ trang trí. Màu sắc và cách dùng màu trong trang trí; vẽ các bài trang trí cơ bản (hình vuông, hình tròn, đường diềm); chép và thể hiện các họa tiết trang trí dân tộc.

9.4.49. Tổ chức hoạt động tìm hiểu về thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 142030

Học phần "Tổ chức hoạt động tìm hiểu thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học" giới thiệu những kiến thức khái quát về giới thực vật và giới động vật. Quan sát và nhận biết các cơ quan sinh dưỡng (lá, thân, rễ), các cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt) của những loài thực vật bản địa, đặc điểm sinh học của một số động vật thường

gặp; tìm hiểu các cơ chế sinh sản và tăng trưởng của thực vật, vai trò của các hoocmon thực vật, sự thích nghi của thực vật với môi trường, quá trình sinh sản và phát triển, tập tính và khả năng thích nghi với môi trường của động vật.

9.4.50. Biển và Đảo Việt Nam (2 tín chỉ)

Mã học phần: 250041

Học phần gồm một số nội dung cơ bản sau: Khái quát về điều kiện tự nhiên biển Đông; Vai trò và đặc điểm tự nhiên của hệ thống đảo và quần đảo của nước ta; Tiềm năng và hiện trạng khai thác tài nguyên biển và đảo Việt Nam.

9.4.51. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ Toán học cho học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142031

Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ Toán học và năng lực sử dụng ngôn ngữ Toán học nhằm chú trọng phát triển năng lực phát hiện sử dụng ngôn ngữ Toán học cho học sinh thông qua dạy học giải toán ở tiểu học.

9.4.52. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142032

Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, đổi mới phương pháp dạy học nhằm chú trọng phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học khái niệm ở tiểu học, phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học giải toán ở tiểu học.

9.4.53. Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142033

“Thực hành giải bài tập Tiếng Việt” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về hệ thống bài tập Tiếng Việt ở tiểu học : Đọc, Viết, Nói và Nghe qua các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần giúp người học có khả năng ứng dụng vào thực tiễn việc tổ chức các hoạt động hướng dẫn học sinh tiểu học giải bài tập Tiếng Việt đúng qui trình và đạt hiệu quả cao. Rèn luyện cho người học cách thức đánh giá năng lực giải bài tập và vận dụng bài tập vào thực tiễn giao tiếp của học sinh tiểu học.

9.4.54. Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142034

“Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học” là học phần tự chọn thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp những kiến thức chung về: (1) Hiện tượng vay mượn trong ngôn ngữ và trong tiếng Việt. (2) Từ Hán Việt. (3) Giảng dạy từ Hán Việt ở trường tiểu học. Qua đó, người học có tri thức, kỹ năng nhận diện, giải nghĩa và hệ thống hóa vốn từ Hán Việt, có khả năng sử dụng lớp từ này hiệu quả. Đồng thời biết

vận dụng hiểu biết về từ Hán Việt để định hướng, tổ chức cho học sinh tiểu học tiếp cận, khai thác một cách có hiệu quả lớp từ này trong tiếp nhận và tạo lập ngôn bản.

9.4.55. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Mã học phần: 124004

“Cơ sở văn hóa Việt Nam” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn học đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

9.4.56. Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142035

Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa, cụ thể hóa và đặc biệt hóa. Học phần cũng giúp sinh viên được rèn luyện tư duy và ngôn ngữ chính xác. Sinh viên sẽ được rèn luyện và phát triển các kỹ năng thông qua việc giải các dạng toán điển hình ở Tiểu học. Cuối cùng, sinh viên sẽ biết cách tìm hiểu các đặc điểm cá nhân của học sinh để từ đó có thể phân loại học sinh, có kế hoạch phụ đạo hoặc bồi dưỡng các học sinh có năng khiếu toán.

9.4.57. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong dạy học Tiếng Việt (3 tín chỉ)

Mã học phần: 142035

Là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, Học phần Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong dạy học Tiếng Việt nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng cơ bản về phương pháp dạy học phát huy tính tích cực học sinh qua các kĩ năng Tiếng Việt: Đọc, Viết, Nói và Nghe ở tiểu học. Cụ thể là : Đọc (Học vần, Tập đọc); Viết (Tập viết, Chính tả, Tập làm văn), Nói và Nghe (Luyện từ và câu, Kể chuyện). Giúp người học củng cố và rèn luyện các kĩ năng cơ bản thiết kế bài học theo hướng phát triển năng lực để vận dụng thực hành phương pháp dạy học phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt.

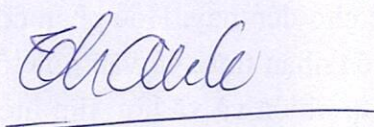
9.4.58. Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm (3 tín chỉ)

Mã học phần: 170006

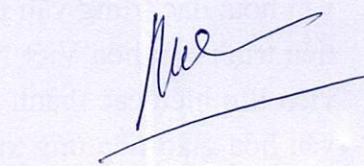
Học phần gồm có hai chương. Chương 1: Chính âm và phương pháp chữa lỗi phát âm cho HSTH. Chương này giúp SV mô tả hệ thống âm chuẩn trong tiếng Việt hiện đại, trên cơ sở đó xác định lỗi phát âm, xác định biến thể phát âm theo các vùng phương

ngữ; sau đó, tổ chức chữa lỗi phát âm do phương ngữ cho HSTH. Chương 2: Luyện đọc diễn cảm cho HSTH. SV sẽ tìm hiểu cơ sở khoa học của việc luyện đọc diễn cảm; nghiên cứu nội dung, biện pháp luyện đọc diễn cảm và tổ chức luyện đọc diễn cảm.

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO


Lê Kiều Thy

TRƯỞNG KHOA


Bùi N. Tâm Ngọc

HIỆU TRƯỞNG

